TÒA ÁN NHÂN DÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
HUYỆN EA KAR Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 16/2023/HSST
Ngày 26 tháng 4 năm 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Mạnh Tuân.
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Nguyễn Thế Hằng và ông Y Yao Bkrông.
- *Thư ký Tòa án*: Bà Nguyễn Thị Hà Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Kar.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tham gia phiên tòa*:
Ông Lê Viết Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 12/2023/HSST ngày 27 tháng 3 năm 2023, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2023/ QĐXX- HS ngày 12 tháng 4 năm 2023, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Trần Xuân T. (Tên gọi khác: Không); Sinh năm 1990, tại huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Thôn H, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông: Trần Đình D, sinh năm 1949; Con bà: Trần Thị L, sinh năm 1949; bị cáo có vợ: Đỗ Thị N, sinh năm 1993; có 01 con, sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bị cáo chưa bị xử lý về hình sự, chưa bị xử lý về hành chính.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 15/01/2023 đến ngày 18/01/2023, hiện bị cáo đang tại ngoại *(Có mặt tại phiên tòa).*

2. Họ và tên: Nguyễn Văn T1.(Tên gọi khác: Không); Sinh năm 1976, tại huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; Nơi cư trú: Thôn G, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Giáo viên; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Nguyễn Văn K (đã chết); Con bà: Nguyễn Thị D1, sinh năm 1949; vợ bị cáo: Nguyễn Thị P, sinh năm 1982 (ly hôn năm 2013); có 01 con sinh năm 2003, hiện ở với bà Nguyễn Thị P; Tiền sự; Tiền án: Không;

Nhân thân: Bị cáo chưa bị xử lý về hình sự, chưa bị xử lý về hành chính.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 15/01/2023 đến ngày 18/01/2023. Hiện bị cáo đang tại ngoại. *(Có mặt tại phiên tòa).*

3. Họ và tên: Từ Văn T2. (Tên gọi khác: Không); Sinh năm 1973, tại huyện K, tỉnh Hà Tĩnh; Nơi cư trú: Thôn H, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 7/12; Con ông: Từ Văn C và bà: Trần Thị L1, sinh năm 1946; bị cáo có vợ: Phan Thị C1, sinh năm 1977; bị cáo có 03 con, con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2001; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bị cáo chưa bị xử lý về hình sự, chưa bị xử lý về hành chính.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 15/01/2023 đến ngày 18/01/2023. Hiện đang tại ngoại. *(Có mặt tại phiên tòa).*

4. Họ và tên: Hà Văn Đ**.** (Tên gọi khác: Không); Sinh năm 1982, tại: huyện V, tỉnh Lạng Sơn; Nơi cư trú: Thôn H, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 6/12; Con ông: Hà Văn H, sinh năm 1957; con bà: Lộc Thị S, sinh năm 1958; bị cáo có vợ: Lê Thị H1, sinh năm 1985; có 03 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bị cáo chưa bị xử lý về hình sự, chưa bị xử lý về hành chính.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 15/01/2023 đến ngày 18/01/2023. Hiện bị cáo đang tại ngoại. *(Có mặt tại phiên tòa).*

5. Họ và tên: Hà Văn T3**.** (Tên gọi khác: Không); Sinh năm 1989, tại huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Thôn H, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Hà Văn D2, sinh năm 1968; Con bà: Hoàng Thị N1, sinh năm 1968; bị cáo có vợ: Hoàng Thị C2, sinh năm 1988; có 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2020; Tiền án: Có 01 tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Tại bản án số 233/2021/HSPT ngày 23/09/2021 của Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt Hà Văn T3 18 tháng cải tạo không giam giữ, về tội *"Đánh bạc" (Sau khi khấu trừ thời gian tạm giữ, còn phải chấp hành là 17 tháng 09 ngày)*, bị cáo chưa chấp hành xong hình phạt.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/01/2023 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại nhà Tạm giữ Công an huyện E.

(Có mặt tại phiên tòa).

***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan**:* Ông Trần Đình D, sinh năm 1949; Nơi cư trú: Thôn H, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. *(Có đơn xin xét xử vắng mặt)*

**** Người làm chứng**:* Ông Nguyễn Bá L2; Nơi cư trú: Thôn H, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 21^{h}00' ngày 14/01/2023, Từ Văn T2, Hà Văn Đ, Hà Văn T3 cùng trú tại thôn H, xã E, huyện E và Nguyễn Văn T1, trú tại thôn G, xã E, huyện E rủ nhau đến nhà của ông Trần Đình D ở Thôn H, xã E, huyện E để chơi với Trần Xuân T (con ông D). Đến nơi cả nhóm ngồi chơi tại phòng khách với T được khoảng 30' thì T, T2, T1, Đ và T3 rủ nhau đánh bạc dưới hình thức đánh bài liêng thì tất cả đồng ý; T lấy một chiếu cói trải xuống nền phòng bếp và đặt 01 bộ bài tú lơ khơ 52 lá lên trên chiếu. Sau đó T, T2, T1, Đ và T3 cùng ngồi xuống chiếu để tham gia đánh bạc. Khi tham gia đánh bạc, T sử dụng số tiền 1.250.000 đồng, T1 sử dụng số tiền 7.500.000 đồng, T2 sử dụng số tiền 820.000 đồng, Đ sử dụng số tiền 230.000 đồng còn T3 sử dụng số tiền 200.000 đồng. Hình thức đánh bài liêng như sau: Mỗi ván mỗi người chơi phải đặt 10.000 đồng vào giữa chiếu bạc (gọi là tiền đậu nước), mỗi người chơi được chia 03 lá bài; sau khi xem bài của mình xong thì được quyền bỏ thêm tiền vào giữa chiếu bạc để tố nhưng không được tố quá số tiền 100.000 đồng; nếu ai có bài nhỏ

và không theo tố thì mất tiền đậu nước ván đó; những người theo tố thì lật bài để kiểm tra, ai có bài lớn nhất thì ăn tiền đậu nước và tiền tố của những người còn lại. Đánh bạc được một lúc thì Đ, T3 thua hết tiền nên nghỉ và đi về nhà của mình, còn T, T2, T1 tiếp tục ngồi đánh bạc.

Đến khoảng 22^{h}30’ cùng ngày, khi T, T2, T1 đang đánh bạc thì bị lực lượng Công an huyện E phát hiện, bắt quả tang; thu giữ trên chiếu bạc số tiền 10.000.000 đồng, 01 bộ bài tú lơ khơ 52 lá và 01 chiếc chiếu cói, là các công cụ phục vụ cho việc đánh bạc. Sau khi lập biên bản phạm tội quả tang Cơ quan điều tra đã triệu tập Đ và T3 lên làm việc; tại Cơ quan điều tra Đ và T3 đã thừa nhận hành vi đánh bạc trái phép vào ngày 14/01/2023 với các đối tượng nêu trên.

Bản cáo trạng số 15/CT-VKS ngày 23 tháng 3 năm 2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar truy tố các bị cáo Trần Xuân T, Nguyễn Văn T1, Từ Văn T2, Hà Văn Đ, Hà Văn T3 về tội: *“Đánh bạc”* theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Trần Xuân T, Nguyễn Văn T1, Từ Văn T2, Hà Văn Đ, Hà Văn T3 thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng.

Phần tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Xuân T,

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T1.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Từ Văn T2, Hà Văn Đ và áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo Hà Văn Đ.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hà Văn T3.

Xử phạt bị cáo Trần Xuân T, Nguyễn Văn T1 mỗi bị cáo từ 07 tháng đến 10 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 tháng đến 20 tháng.

Xử phạt bị cáo Từ Văn T2 từ 14 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Hà Văn Đ từ 12 đến 16 tháng cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Hà Văn T3 từ 07 tháng đến 10 tháng tù. Áp dụng khoản 2 Điều 56 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt còn lại của bản án số 233/2021/HSPT ngày 23/9/2021để buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo

** Về xử lý vật chứng:* Tuyên tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 10.000.000 đồng.

Tịch thu tiêu hủy 01 bài 52 cây; 01chiếu cói kích thước 1,4m x 1,8m.

Các bị cáo Trần Xuân T, Nguyễn Văn T1, Từ Văn T2, Hà Văn Đ, Hà Văn T3 không có ý kiến gì tham gia tranh luận, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Ea Kar và Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra; biên bản bắt người phạm tội quả tang và những chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, có căn cứ xác định: Do ý thức coi thường pháp luật, vì mục đích tư lợi cá nhân, nên vào khoảng 21^{h}00’ ngày 14/01/2023, tại nhà ông Trần Đình D, địa chỉ: Thôn H, xã E, huyện E, Nguyễn Văn T1, Từ Văn T2, Hà Văn Đ, Hà Văn T3 đã có hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền dưới hình thức đánh bài liêng; sau đó bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện E bắt quả tang, thu giữ số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 10.000.000 đồng *(Mười triệu đồng)*. Như vậy có đủ căn cứ kết luận: Các bị cáo Trần Xuân T, Nguyễn Văn T1, Từ Văn T2, Hà Văn Đ, Hà Văn T3 phạm tội *“Đánh bạc”* theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự quy định:

“Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi đó đã trực tiếp xâm hại đến trật tự công cộng, đến nếp sống văn minh của xã hội và ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Các bị cáo là những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, các bị cáo nhận thức được đánh bạc trái phép là hành vi vi phạm pháp luật. Nhưng vì tư lợi cá nhân các bị cáo vẫn cố ý thực hiện nhằm mục đích thu lợi bất chính cho bản thân. Điều đó thể hiện sự coi thường pháp luật của các bị cáo. Hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra cần phải bị xử lý bằng pháp luật hình sự, nhằm mục đích răn đe giáo dục các bị cáo phải có ý thức tuân thủ, chấp hành các quy định của pháp luật, đồng thời để đấu tranh phòng ngừa với loại tội phạm này.

[5] Trong vụ án này có 05 bị cáo cùng tham gia thực hiện hành vi phạm tội, nhưng không có sự cấu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện hành vi phạm tội, thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, khi lượng hình cần xem xét đến vai trò của các bị cáo trong vụ án, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để cá thể hóa hình phạt cho từng bị cáo.

Bị cáo Trần Xuân T là người có vai trò chính, là con của chủ nhà và trực tiếp tham gia đánh bạc, thực hiện hành vi phạm tội một cách tích cực, như chủ động chuẩn

bị địa điểm, công cụ sử dụng vào việc đánh bạc và dùng số tiền 1.250.000 đồng để đánh bạc, cần xử lý bị cáo cho tương xứng với hành vi của bị cáo.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn T1, Từ Văn T2, Hà Văn Đ, Hà Văn T3 là người trực tiếp tham gia đánh bạc với vai trò thực hành trong vụ án, thực hiện hành vi phạm tội ngang nhau nhưng ít tích cực so bị cáo Trần Xuân T.

Bị cáo Nguyễn Văn T1 sử dụng số tiền 7.500.000 đồng để đánh bạc, Từ Văn T2 sử dụng số tiền 820.000 đồng cần xử lý bị cáo Nguyễn Văn T1 cao hơn Từ Văn T2 là thỏa đáng.

Đối với bị cáo Hà Văn Đ sử dụng số tiền 230.000 đồng và Hà Văn T3 sử dụng số tiền 200.000 đồng, cần áp dụng hình phạt cho các bị cáo này nhẹ hơn so với các bị cáo trong vụ án là có căn cứ. Tuy nhiên, bị cáo Hà Văn T3 sử dụng số tiền đánh bạc ít nhất, nhưng bị cáo đang phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ về hành vi đánh bạc nên cần phải buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án

Về nhân thân, bị cáo Hà Văn T3 đang có nhân thân xấu đã có 01 tiền án về tội "Đánh bạc", tại bản án số 233/2021/HSPT ngày 23/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt bị cáo 17 tháng 09 ngày cải tạo không giam giữ, chưa chấp hành xong hình phạt cải tạo không giam giữ, bị cáo lại tiếp tục phạm tội thuộc trường hợp tái phạm, chứng tỏ bị cáo không ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Tại phiên tòa bị cáo thành thật khai báo về hành vi phạm tội của mình, hoàn cảnh gia đình bị cáo có khó khăn, là người dân tộc thiểu số. Cần áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Xét thấy , cần phải cách ly bị cáo Hà Văn T3 ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới mong giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân chấp hành pháp luật sau khi tái hòa nhập cộng đồng.

Đối với các bị cáo Trần Xuân T, Nguyễn Văn T1, Từ Văn T2, Hà Văn Đ, bản thân các bị cáo này có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Trong quá trình điều tra, tại phiên toà các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Sau khi phạm tội các bị cáo đã hợp tác với cơ quan chức năng trong việc điều tra, xử lý nhanh vụ án. Cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho các bị cáo này và áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo Hà Văn Đ.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn T1 nhiều năm được Giám đốc Sở giáo và dục đào tạo tỉnh Đắk Lắk tặng danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở, được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đăk Lắk tặng Giấy khen và có ông Ngoại là liệt sỹ, nên cần áp dụng thêm điểm v khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo Nguyễn Văn T1.

Xét thấy các bị cáo Trần Xuân T, Nguyễn Văn T1, Từ Văn T2, Hà Văn Đ có nhiều tình tiết giảm nhẹ ngoài lần phạm tội này luôn chấp hành đúng chính sách pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú, có nơi cư trú ổn định rõ ràng, nên không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà cần áp dụng khoản 1 Điều 65 Bộ luật hình sự để cho bị cáo Trần Xuân T, Nguyễn Văn T1 với mức án để cho hưởng án treo; Áp dụng Điều 36 Bộ luật hình sự cho các bị cáo Từ Văn T2, Hà Văn Đ hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ cũng có tác dụng răn đe, giáo dục, cải tạo các bị cáo là phù hợp với vai trò của các bị cáo trong vụ án.

[6] Về hình phạt bổ sung: Trong vụ án này đa phần các bị cáo là những người lao động phổ thông, nghề nghiệp thu nhập không ổn định, nên miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Về vật chứng: Khi bắt quả tang thu giữ được trên chiếu bạc số tiền 10.000.000 đồng; 01 bộ bài tú lơ khơ; 01chiếu cói kích thước 1,4mx 1,8m

Đối với số tiền 10.000.000 đồng thu trên chiếu bạc, đây là tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc, là vật chứng của vụ án, nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền này.

Đối với 01 bộ bài tú lơ khơ; 01chiếu cói kích thước 1,4mx 1,8m, đây là công cụ các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, vật không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với căn phòng mà các bị cáo sử dụng làm địa điểm để đánh bạc, đây là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông Trần Đình D, bản thân ông D không biết và không cho các bị cáo mượn sử dụng làm địa điểm đánh bạc, nên không có căn cứ để xử lý.

[8] Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar đề nghị mức hình phạt đối với các bị cáo. Đề nghị này cơ bản phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra, nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ đề nghị

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

I. Về tội danh và hình phạt

Tuyên bố các bị cáo Trần Xuân T, Nguyễn Văn T1, Từ Văn T2, Hà Văn Đ, Hà Văn T3 phạm tội *"Đánh bạc"*.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Hà Văn T3.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s,v khoản 1; khoản 2 Điều 51, khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T1

Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Xuân T.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2, 4 Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Từ Văn T2, Hà Văn Đ và áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Hà Văn Đ.

1- Xử phạt bị cáo Hà Văn T3 **10***(mười)* tháng tù. Tổng hợp bản án số 233/2021/HSPT ngày 23/9/2021, thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ còn lại tính đến ngày 14/01/2023 là 02 tháng 10 ngày (Quy đổi 70 ngày cải tại không giam giữ bằng 23 ngày tù)

Buộc bị cáo Hà Văn T3 phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 10 tháng 23 ngày tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/01/2023.

2-Xử phạt bị cáo Trần Xuân T **09** *(Chín)* tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 *(Một)* năm 06 *(sáu)* tháng kể từ ngày tuyên án.

3-Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 **09** *(Chín)* tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 *(Một)* năm 06 *(sáu)* tháng kể từ ngày tuyên án.

- Giao bị cáo Nguyễn Văn T1 cho Ủy ban nhân dân xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Giao bị cáo Trần Xuân T cho Ủy ban nhân dân xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, nơi các bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục, gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp các bị cáo Trần Xuân T, Nguyễn Văn T1 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu các bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án.

4-Xử phạt bị cáo Từ Văn T2 01*(Một)* năm 02 *(Hai)* tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 15/01/2023 đến ngày 18/01/2023 (03 ngày tạm giữ bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ). Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ còn lại là 01 *(Một)* năm 01*(Một)* tháng 21*(Hai mươi mốt)* ngày. Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện E nhận được quyết định thi hành án.

5-Xử phạt bị cáo Hà Văn Đ 01 *(Một)* năm cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 15/01/2023 đến ngày 18/01/2023 (03 ngày tạm giữ bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ). Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ còn lại là 11 *(Mười một)* tháng 21*(Hai mươi mốt)* ngày. Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện E nhận được quyết định thi hành án.

Giao các bị cáo Từ Văn T2, Hà Văn Đ cho Ủy ban nhân dân xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk nơi các bị cáo Từ Văn T2, Hà Văn Đ cư trú để giám sát, giáo dục, gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Bị cáo Từ Văn T2, Hà Văn Đ được miễn khấu trừ thu nhập. Trường hợp bị cáo không có việc làm hoặc mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt thì có thể phải thực hiện một số công việc lao động cộng đồng. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không qúa 05 ngày trong 01 tuần.

Trường hợp bị cáo Từ Văn T2, Hà Văn Đ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68 và Điều 100 Luật thi hành án hình sự.

Hủy bỏ quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú từ số 4a đến số 4d ngày 28/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar đối với Trần Xuân T, Nguyễn Văn T1, Từ Văn T2, Hà Văn Đ.

Hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo

II. Các biện pháp tư pháp

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; các điểm a, b khoản 2, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Tuyên tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 10.000.000 đồng *(Mười triệu đồng*), theo biên lai thu tiền số 0005956 ngày 04/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar

Tịch thu tiêu hủy bộ bài tú lơ khơ; 01 (một) chiếu cói kích thước 1,4m x 1,8m *(Toàn bộ vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 04/4/2023 được gửi tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar)*.

III. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Buộc các bị cáo Trần Xuân T, Nguyễn Văn T1, Từ Văn T2, Hà Văn Đ, Hà Văn T3, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

IV. Báo quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án Hình sự sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án Hình sự sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án (hoặc) kể từ ngày bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Đăk Lăk;*
- *TAND tỉnh Đăk Lăk;*
- *Sở tư pháp tỉnh Đăk Lăk;*
- *VKSND huyện Ea Kar;*
- *Công an huyện Ea Kar (02 bản);*
- *Chi cục THADS huyện Ea Kar;*
- *TANDTC;*
- *Các bị cáo, các đương sự;*
- *Lưu HS, VPCQ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Mạnh Tuân